

Bản án số 347/2024/HC-PT

Ngày 19/9/2024

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào, bà Trần Thị Kim Liên

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thu Hiền

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 212/2024/TLPT-HC ngày 22/7/2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 25/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1506/2024/QĐ-PT ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: ông **Lê Văn C**, sinh năm 1954; địa chỉ: **A đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **C**: Luật sư **Phan Văn H** – Văn phòng L1, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: **1 đường C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D; địa chỉ: **thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Thế Đ** (Phó Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam), có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện: Luật sư **Bùi Anh N** - Văn phòng L2, đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: **khối phố M, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Tạ Thị L** (vợ ông **C**), sinh năm 1955; địa chỉ: **nhà số A T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**, vắng mặt, bà **L** ủy quyền cho ông **C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông **Lê Văn C** trình bày: ông bà tổ tiên của ông **Lê Văn C** trước đây sinh sống, làm ăn ở **khối phố L, thị trấn N, huyện D**, có sử dụng 2 sào 5 tấc (khoảng 1.050 m², thực tế còn 731 m²) đất tại **khối P**, nguồn gốc do chế độ cũ giao cho ông cao cổ của ông **C** là **Lê N1** sử dụng. Sau giải phóng, gia đình ông **C** tiếp tục sử

dụng để sản xuất nông nghiệp, trồng lúa, trong đó phần nhiều là diện tích đất ruộng, phần còn lại 60m² đất có 02 ngôi mộ của ông bà xây kiên cố, quy mô thành khuôn viên từ lâu đời. Năm 2016, UBND huyện D có chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị P, huyện D, tuy nhiên, UBND huyện D không ban hành thông báo thu hồi đất, không có quyết định thu hồi đất cũng như không ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C theo quy định.

Ngày 25/7/2016, ông C được Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất Duy Xuyên giao Thông báo số 43/TB-CNDX ngày 18/7/2016 nhưng chỉ bản photocopy, không có dấu đỏ, chữ thì bị mờ không đọc được. Cuối tháng 10/2016, ông C nhận được Thông báo số 56/TB-CNDX ngày 14/10/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D về việc niêm yết dự thảo phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 2) dự án mở rộng Khu đô thị P, huyện D kèm theo thông báo này là dự thảo bảng tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của các hộ dân trong vùng dự án, trong đó, hộ ông Lê Văn C được bồi thường 54.182.231 đồng cho 02 ngôi mộ trên đất, còn lại không bồi thường, hỗ trợ về đất. Không đồng ý, ông C đã khởi kiện tại Tòa án. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 106/2018/HC-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên xử “*Buộc Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích đất 731m² thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tọa lạc tại khối L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật*”.

Ngày 08/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ra Quyết định số 07/2018/QĐ-THA buộc thi hành án đối với UBND huyện D, tỉnh Quảng Nam, nội dung: “*Buộc Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích đất 731m² (Bảy trăm ba mươi một mét vuông) thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tọa lạc tại khối L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật*”.

Ngày 18/6/2019, UBND huyện D ban hành Quyết định số 3670/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lê Văn C và Quyết định số 3671/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tổng số tiền bồi thường hỗ trợ 27.632.000 đồng; trong đó bồi thường đất nông nghiệp trồng lúa đơn giá 36.000 đồng/m², không hỗ trợ gì thêm. Không thống nhất với phương án bồi thường tại Quyết định trên, ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: - Hủy Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn C, hiện ở tại số A đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để thực hiện dự án Mở rộng khu phố chợ N2; - Hủy Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Văn C thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, tỉnh Quảng Nam; - Buộc Ủy ban nhân dân huyện D thực hiện việc thu hồi, bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

Lý do ông Lê Văn C khởi kiện:

Thứ 1: Căn cứ tuyên xử của Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, **UBND huyện D** phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm việc ra thông báo về việc thu hồi đất; ban hành quyết định thu hồi đất, tổ chức hiệp thương bồi thường, giải phóng mặt bằng. Căn cứ Điều 69 của Luật Đất đai 2013 quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất. Thông báo thu hồi đất được gửi đến từng người có đất thu hồi, họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi*”. Tuy nhiên, **UBND huyện D** không ra thông báo thu hồi đất mà ban hành quyết định thu hồi đất và ban hành luôn quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trong cùng một thời điểm là trái quy định của pháp luật quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai.

Dự án Mở rộng khu phố **chợ N2** là dự án mang tính chất kinh doanh vì mục đích lợi nhuận không thuộc trường hợp Nhà nước ra quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường, dự án này thuộc trường hợp chủ đầu tư phải tự liên hệ thỏa thuận với người dân để thực hiện dự án. Vì vậy, đề nghị chủ đầu tư là **Công ty Cổ phần Đ1** trực tiếp liên hệ với gia đình ông **C** để thỏa thuận việc thu hồi, bồi thường mới đúng quy định của pháp luật.

Thứ 2: Về căn cứ áp mức giá bồi thường trái quy định pháp luật của **UBND huyện D**: **UBND huyện D** ban hành Quyết định thu hồi đất số 3670/QĐ- UBND ngày 18/6/2019, nhưng áp dụng giá đất theo Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 (hơn 03 năm trước) là trái quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho quyền lợi của người dân. Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất*”. Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 về nguyên tắc, phương pháp định giá đất quy định: “*Việc định giá đất phải bảo đảm: Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất*”.

Thứ 3: Căn cứ Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 về Bảng giá đất và giá đất cụ thể: “*Việc xác định giá đất cụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định*”.

Như vậy, pháp luật quy định thời điểm xác định giá đất bồi thường là khi có quyết định thu hồi đất, nếu loại đất thuộc trường hợp Nhà nước ra quyết định thu hồi thì giá đất phải căn cứ theo bảng giá đất tương ứng của thị trường tự do tại thời điểm ra quyết định thu hồi đất. Theo ông **C** tham khảo giá thị trường thì hiện nay giá đất ở (đã nộp thuế chuyển quyền sử dụng) tại khu vực này là 20 triệu đồng/m², tuy nhiên, ông **C** chỉ yêu cầu: Phương án 1 là bàn giao cho ông **C** 02 lô

đất, mỗi lô 100 m²; phương án 2 là nếu không có đất thì bồi thường bằng tiền 5.000.000 đồng/m² x 731 m² = 3.655.000.000 đồng.

* *Người bị kiện UBND huyện D trình bày:* Thực hiện Bản án phúc thẩm số 106/2018/HC-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; UBND huyện D đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Văn C liên quan đến thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 (thửa đất số 07, tờ trích đo số 01) thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, cụ thể như sau:

- Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn C thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 (thửa đất số 07, tờ trích đo số 01), diện tích 731m², loại đất lúa.

- Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông C thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, với tổng giá trị phê duyệt (làm tròn) 27.632.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng), trong đó bồi thường về đất 26.316.000 đồng, khen thưởng 1.315.800 đồng.

Cơ sở để UBND huyện D áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại quyết định phê duyệt trên đối với hộ ông Lê Văn C:

- Về bồi thường đất: Căn cứ khoản 2 Điều 5 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q; Công văn số 1754/UBND-KTN 04/5/2015 của UBND tỉnh Q về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; căn cứ giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu phố chợ N2 mở rộng, huyện D phê duyệt tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND huyện D.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, chuyển đổi nghề, tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp: UBND thị trấn N, nơi có đất bị thu hồi xác nhận tại Công văn số 53/UBND-ĐCXĐ ngày 26/4/2019 là hộ ông Lê Văn C không sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26, diện tích 731 m² và UBND phường A, thành phố T, nơi ông Lê Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận tại Công văn số 36/UBND-ĐCXĐ ngày 02/5/2019 là hộ gia đình ông Lê Văn C không trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

Như vậy, đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 22 và Điều 23 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q quy định về đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chuyển đổi nghề, tạo việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì hộ ông Lê Văn C không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chuyển đổi nghề, tạo việc làm theo quy định này. Từ cơ sở nêu trên, UBND huyện D đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Văn C liên quan thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 (thửa đất số 07, tờ trích đo số 01) nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. UBND huyện D đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 25/5/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 62, 67, 74, 77, 114 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C đối với Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn C hiện ở tại số A, đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để thực hiện dự án: Mở rộng khu phố chợ N2;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Văn C thuộc dự án Mở rộng Khu phố chợ N2, huyện D, tỉnh Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện D thực hiện việc thu hồi, bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Văn C được miễn.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 30/5/2024, ông Lê Văn C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Văn C giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật nên đề nghị bác kháng cáo của ông Lê Văn C giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị P, huyện D, ngày 18/9/2015 Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Thông báo số 130/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị P, huyện D do Công ty cổ phần Đ1 làm chủ đầu tư tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam (kèm Thông báo là danh sách Người sử dụng đất bị thu hồi). Theo Thông báo 130 thì Nhà nước thu hồi 731m² đất, thuộc thửa số 337, tờ bản đồ số 26, do UBND thị trấn N đứng tên sử dụng nên không bồi thường, hỗ trợ. Ông Lê Văn C cho rằng ông C là người sử dụng thửa số 337, tờ bản đồ số 26 diện tích 1.050m² (đo đạc thực tế là 731m²) nên

khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện D phải ban hành Quyết định thu hồi diện tích thửa đất 337 của ông C và phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối cho ông C vì thu hồi thửa đất 337. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 106/2018/HC-PT ngày 02/7/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định buộc UBND huyện D phải ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích đất thu hồi 731m² thuộc thửa 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tọa lạc tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Thực hiện quyết định tại Bản án hành chính phúc thẩm số 106/2018/HC-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, UBND huyện D đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn C đối với diện tích 731m² thuộc thửa 337, tờ bản đồ số 26, loại đất lúa, tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam, như sau: + Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc thu hồi đất của hộ ông Lê Văn C thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 (thửa đất số 07, tờ trích đo số 01), diện tích 731m², loại đất lúa; + Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Lê Văn C thuộc dự án Mở rộng khu phố chợ N2, huyện D, với tổng giá trị phê duyệt làm tròn 27.632.000 đồng (trong đó bồi thường về đất 26.316.000 đồng, khen thưởng 1.315.800 đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông C cho rằng Nhà nước thu hồi thửa đất số 337 của ông C để mở rộng Khu đô thị phố chợ N2, huyện D nên phải bồi thường theo giá đất ở cho ông C tại khu vực này là 20 triệu đồng/m²; tuy nhiên, ông C nêu 2 Phương án, một là giao cho ông C 02 lô đất tái định cư mỗi lô 100m², hai là bồi thường bằng tiền 5.000.000 đồng/m² x 731 m² = 3.655.000.000 đồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Thực hiện dự án mở rộng Khu đô thị P, huyện D thu hồi thửa đất số 337, tờ bản đồ số 26 (thửa đất số 07, tờ trích đo số 01), diện tích đo thực tế 731m², loại đất lúa. Thu hồi đất trong trường hợp này là để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm c khoản 2 Điều 62 của Luật Đất đai nên theo quy định tại Điều 67 của Luật Đất đai: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất” và khoản 3 Điều 114 của Luật Đất đai quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc xác định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể”. Ngày 04/5/2015, UBND tỉnh Q có Công văn số 1745/UBND-KTTH về việc uỷ quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Ngày 16/02/2016, UBND huyện D ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị P mở rộng tại thị trấn N, huyện D. Quyết định số 3671/QĐ-UBND

ngày 18/6/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông **Lê Văn C** thuộc dự án Mở rộng khu phố **chợ N2, huyện D** mặc dù được căn cứ vào Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của **UBND huyện D** (thời điểm năm 2016) nhưng tại thời điểm ban hành Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 thì các căn cứ khác để ban hành quyết định cũng như giá đất áp dụng phù hợp với Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 của **UBND huyện D** xác định ranh giới từng vị trí để áp dụng giá đất nông nghiệp thời kỳ 2015 – 2019 trên địa bàn **huyện D, tỉnh Quảng Nam**; phụ lục số 02 bảng xác định ranh giới từng vị trí để áp dụng giá đất nông nghiệp trên địa bàn **huyện D** (kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 của **UBND huyện D**); Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của **UBND tỉnh Q** sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014, Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 và Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của **UBND tỉnh Q** ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của **UBND tỉnh Q**).

[3.2] Ông **Lê Văn C** chỉ được bồi thường về đất nông nghiệp, không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chuyển đổi nghề, tạo việc làm vì hộ ông **C** không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp tại địa phương, không có hộ khẩu và không sinh sống tại địa phương (Theo nội dung Công văn số 53/UBND-ĐCXĐ ngày 26/4/2019 của **UBND thị trấn N, huyện D** và Công văn số 36/UBND-ĐCXĐ ngày 02/5/2019 của **UBND phường A, thành phố T**). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông **C** thừa nhận ông **C** không trực tiếp sản xuất trên thửa đất mà ông **C** cho người bà con ở **D** sản xuất còn ông **C** ở **thành phố T** và cách thời điểm thu hồi đất khoảng 4 năm thì bỏ hoang đất, không sản xuất vì bị lũ lụt thường xuyên và sạt lở; do đó, **UBND huyện D** ban hành Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 thu hồi của hộ ông **C** 731m² loại đất lúa và ban hành Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 bồi thường về đất lúa 26.316.000 đồng, khen thưởng 1.315.800 đồng không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chuyển đổi nghề, tạo việc làm là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3.3] Với các tài liệu, chứng cứ viện dẫn, phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn C** yêu cầu hủy Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của **Ủy ban nhân dân huyện D** về việc thu hồi 731m² loại đất lúa của hộ ông **Lê Văn C** và hủy Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của **Ủy ban nhân dân huyện D** về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông **C** là có căn cứ, đúng pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông **C**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông **C** là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của ông **Lê Văn C** và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 50/2024/HC-ST ngày 25/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông **Lê Văn C** được miễn.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân